

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN THEO NGÀNH Ở TỈNH BÌNH PHƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

Lê Thị Hậu¹, Lê Hoàng Thúy Anh¹ và Hoàng Phan Hải Yến^{2*}

¹*Trường THPT Thị Xã Bình Long, Bình Phước*

²*Khoa Địa lí, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh*

Tóm tắt. Cơ cấu kinh tế là nhân tố cơ bản quyết định sự tồn tại và phát triển kinh tế của một quốc gia, vùng lãnh thổ. Cơ cấu kinh tế hợp lý giúp khai thông, tạo động lực cho việc khai thác có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước. Bằng việc sử dụng các phương pháp phân tích tổng hợp, khảo sát thực địa, tham khảo ý kiến chuyên gia... bài báo phân tích, làm rõ hiện trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành trong nông, lâm, thủy sản ở tỉnh Bình Phước. Kết quả nghiên cứu là cơ sở quan trọng để các nhà quản lý đầu tư và tổ chức sản xuất nông nghiệp nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

Từ khóa: cơ cấu kinh tế, cơ cấu kinh tế ngành nông, lâm, thủy sản; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ngành nông nghiệp tỉnh Bình Phước.

1. Mở đầu

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành trong nông nghiệp (bao gồm nông, lâm, thủy sản) là sự thay đổi tỉ trọng giữa các ngành và nhóm ngành trong nội bộ ngành nông, lâm, thủy sản. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành nông, lâm, thủy sản hiện nay đang hướng tới một nền sản xuất thâm canh, đa dạng theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, lâm, thủy sản nhằm tạo nên cơ cấu kinh tế hợp lý, qua đó phát huy mọi tiềm năng sản xuất, thúc đẩy ngành nông, lâm, thủy sản phát triển.

Trên thế giới, các nghiên cứu về cơ cấu kinh tế và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp được tiến hành từ những thập niên đầu tiên của thế kỷ XVIII khi sức sản xuất của các ngành kinh tế tăng lên theo nhu cầu của con người. Nông nghiệp không chỉ phát triển theo chiều rộng mà phải chuyển sang phát triển theo chiều sâu nhằm giải quyết rất nhiều vấn đề về chuyển dịch cơ cấu đất đai, lao động và sản phẩm. Ngày nay, những nghiên cứu về cơ cấu kinh tế nông nghiệp được tiến hành ở cả các nước phát triển và đang phát triển. Trong công trình “*The comparative study of Economics Growth and structure*”, (nghiên cứu mang tính so sánh về cơ cấu kinh tế và tăng trưởng kinh tế) của tác giả Raymond đã đưa ra những lý luận về cơ cấu kinh tế, về chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong đó có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phân tích quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ cơ cấu kinh tế năng suất thấp sang cơ cấu kinh tế hiện đại [1]. Năm 1997, Scott W. Richard đã nghiên cứu về “*The unfinished: Indian Agricultural under the structural reform*” (Những công việc chưa hoàn thành: Nông nghiệp Ấn Độ dưới áp lực tái cơ cấu) đã phân tích những khó khăn, thách thức trong giai đoạn áp dụng chính sách tự do hóa thương mại trong lĩnh vực nông nghiệp như: cơ cấu lao động, việc làm, năng suất lao động... là những rào cản đối với sự phát triển của ngành nông nghiệp. Vì vậy, nhà

Ngày nhận bài: 2/3/2022. Ngày sửa bài: 29/3/2022. Ngày nhận đăng: 7/4/2022.

Tác giả liên hệ: Hoàng Phan Hải Yến. Địa chỉ e-mail: hoangphanhaiyen@vinhuni.edu.vn

nước cần đóng vai trò quan trọng trong việc tái cấu trúc ngành nông nghiệp thông qua chủ động can thiệp, loại bỏ những khó khăn nhằm nâng cao năng suất lao động, thu hút các nguồn vốn đầu tư vào ngành nông nghiệp [2]. Năm 2010, tác giả Du Ying trong nghiên cứu về “*China’s Agricultural Restructuring and system Reform under It’s Accession to the WTO*” (cải cách hệ thống và tái cơ cấu nông nghiệp Trung Quốc khi gia nhập WTO) đã đề cập đến việc điều chỉnh cơ cấu nông nghiệp và cải cách kinh tế, sau đó đánh giá tác động đối với nông nghiệp Trung Quốc sau khi gia nhập WTO, từ đó đề xuất những chính sách phù hợp [3].

Ở Việt Nam đã có rất nhiều nghiên cứu về cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp như: “*Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong điều kiện hội nhập với khu vực và thế giới*” của Lê Du Phong và Nguyễn Thành Độ [4]; “*Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp vùng nông thôn ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh*” của Trương Thị Minh Sâm [5]; “*Chuyển dịch cơ cấu và xu hướng phát triển của kinh tế nông nghiệp Việt Nam theo hướng Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá từ thế kỉ XX tới Thế kỉ XXI trong thời đại kinh tế tri thức*” của Lê Quốc Sử [6]; “*Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn tỉnh Khánh Hòa theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa*” của Nguyễn Xuân Long [7]. Các nghiên cứu này đã đề cập đến những vấn đề lí luận và thực tiễn về cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phân tích đánh giá về chuyển dịch cơ cấu nông, lâm, thủy sản trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ đó, các tác giả cũng đã đưa ra các vấn đề cần giải quyết về chính sách nông nghiệp, cơ cấu công - nông nghiệp trong nền kinh tế, nhận thức mới về sở hữu ruộng đất, về quan hệ sản xuất do công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn mang lại.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đều phân tích và chứng minh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp, đề cập đến những nguồn lực, khó khăn, thách thức của ngành nông nghiệp trong hội nhập, các chính sách đổi mới trong nông nghiệp... Các nghiên cứu có ý nghĩa về thực tiễn để nâng cao hiệu quả và giá trị của ngành nông nghiệp, bảo vệ tài nguyên và môi trường cho mục tiêu phát triển bền vững; Đồng thời có ý nghĩa về mặt lí luận cho những nghiên cứu tiếp theo. Từ đó cũng cho thấy, việc nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành trong nông, lâm, thủy sản của tỉnh Bình Phước là rất cần thiết, nhằm mục đích phát huy hiệu quả tối đa các nguồn lực và định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Giới thiệu về khu vực nghiên cứu

Bình Phước là một tỉnh miền núi biên giới của vùng Đông Nam Bộ, có diện tích tự nhiên là 6.873,55 km², chiếm 29,1% diện tích tự nhiên toàn vùng. Dân số năm 2020 của tỉnh là 1.011 nghìn người, trong đó 76,0% dân số sống ở vùng nông thôn; 61,0% dân số đang làm việc trong các ngành kinh tế, riêng nhóm ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 71,21%.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu nông, lâm, thủy sản theo ngành ở tỉnh Bình Phước đã đạt được các mục tiêu đề ra trong phương hướng và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, tuy nhiên cũng còn một số hạn chế như: sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ; việc chuyển đổi cơ cấu mang lại hiệu quả chưa cao; liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, khu nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch và nông nghiệp hữu cơ còn hạn chế; nuôi trồng thủy sản phát triển chưa bền vững; năng suất, chất lượng rừng còn thấp, chủ yếu là sản phẩm gỗ nhỏ; áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất còn thấp; tỉ trọng sản phẩm nông nghiệp được sản xuất, phân phối tiêu thụ qua chuỗi giá trị còn thấp, nên không thể tham gia vào hệ thống cung ứng tại một số siêu thị trong nước hoặc xuất khẩu. Hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, hỗ trợ thị trường đã cản trở đầu ra và quá trình tái sản xuất mở rộng của sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

2.1.2. Dữ liệu

Dữ liệu của bài báo được tác giả tính toán, phân tích từ các nguồn như: Niên giám thống kê của Cục Thống kê Bình Phước, các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương tỉnh Bình Phước cung cấp. Những số liệu được thu thập và sau đó tính toán thành các bảng biểu để dễ so sánh, nhận xét và phân tích. Tất cả các dữ liệu được thu thập trong giai đoạn từ 2010 đến 2020.

2.1.3. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được hiệu quả cao trong nghiên cứu, bài báo đã sử dụng kết hợp các phương pháp như:

Phương pháp thu thập số liệu, tài liệu: Số liệu liên quan đến hoạt động nông nghiệp của tỉnh Bình Phước được thu thập thông qua Niên giám thống kê hàng năm của tỉnh, thu thập từ các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh cũng như của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Phước.

Phương pháp phân tích tổng hợp: Trên cơ sở thu thập và nghiên cứu các văn bản nêu trên, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phân tích, tổng hợp góp phần làm rõ thực trạng tái cơ cấu kinh tế theo ngành trong nông nghiệp tỉnh Bình Phước.

Phương pháp khảo sát thực địa: Tác giả tiến hành thực địa khảo sát tình hình kinh tế - xã hội và các hoạt động nông nghiệp như: trồng trọt, chăn nuôi, khai thác thủy sản ở các huyện thị phát triển mạnh về nông nghiệp (huyện Đồng Phú, Chơn Thành, Phước Long, Thị xã Bình Long) tiếp xúc với nông dân và các chủ trang trại trong nông nghiệp để nắm bắt đầy đủ thông tin về hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Phương pháp tham khảo ý kiến chuyên gia và nhà quản lý: Đây là phương pháp được tác giả thực hiện bằng hệ thống câu hỏi phỏng vấn với các chuyên gia và nhà quản lý về nông nghiệp ở Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Phước, các trường phòng Nông nghiệp, trường trạm sản xuất giống và dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn các huyện, thị để thu thập thông tin về hoạt động sản xuất nông nghiệp một cách toàn diện.

2.2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.2.1. Những thuận lợi và khó khăn chính trong phát triển ngành nông, lâm, thủy sản ở tỉnh Bình Phước

2.2.1.1. Thuận lợi

Bình Phước là tỉnh nằm ở phía đông bắc vùng Đông Nam Bộ, trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là nơi có nền kinh tế phát triển nhất toàn quốc, có lợi thế cho phát triển nông nghiệp về thu hút nguồn vốn, nhân lực có chất lượng cao, chuyển giao khoa học kỹ thuật, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Về mặt tự nhiên, Bình Phước có vị trí chuyển tiếp từ miền núi, cao nguyên Nam Trường Sơn xuống Đồng bằng sông Cửu Long. Bình Phước hội tụ khá đầy đủ các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên như khí hậu, địa hình và đất, nguồn nước cho phát triển nông nghiệp, cho phép phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới hàng hoá, đa dạng hoá cây trồng nhất là trồng các loại cây công nghiệp lâu năm có nguồn gốc nhiệt đới, có giá trị kinh tế cao như cao su, cà phê, hồ tiêu, điều, ca cao và chăn nuôi gia súc lớn

Năm 2020, trong tổng số diện tích đất nông nghiệp là 616.307 ha, đất dành cho sản xuất nông nghiệp chiếm 64,34%, đất cho sản xuất lâm nghiệp chiếm 24,86%, đất dành cho nuôi trồng thủy sản là 0,16%, đất nông nghiệp khác là 0,3%. Ngoài ra, tỉnh còn có quỹ đất chưa sử dụng, chủ yếu là đất bằng chưa sử dụng nhưng có khả năng đưa vào sản xuất nông nghiệp khoảng 73,0 ha, chiếm 0,01%.

Dân cư và nguồn lao động dồi dào. Năm 2020, tỉnh có 617 nghìn người trong độ tuổi lao động, chiếm 61% dân số toàn tỉnh, trong đó lao động nông thôn chiếm 71,2%. Lao động có truyền thống và nhiều kinh nghiệm trong canh tác nông nghiệp, đặc biệt là trồng các loại cây công nghiệp lâu năm như kỹ thuật bắc kiềng, cạo mủ cao su; kinh nghiệm xác định thời vụ bón thúc chủ động thời gian ra hoa của cây điều tránh thời kỳ mùa mưa ảnh hưởng xấu đến năng suất... Việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất ngày càng phổ biến, hạn chế được những ảnh hưởng nhất định do thời tiết khí hậu mang lại.

Tính đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh đã có 6.386 cơ sở công nghiệp nông thôn với hơn 192.000 lao động hoạt động. Hiện nay, công nghiệp nông thôn còn góp phần vào thúc đẩy phát triển chuỗi giá trị xuất khẩu trên địa bàn đối với các mặt hàng nông sản (điều, hạt tiêu), gỗ viên nén...

Triển vọng thị trường xuất khẩu của các mặt hàng nông sản ngày càng tăng trên thị trường thế giới. Bên cạnh việc duy trì ổn định thị trường truyền thống (Trung Quốc, ASEAN...), tỉnh Bình Phước đang từng bước đáp ứng yêu cầu thị trường lớn như Nhật Bản, Châu Âu và thị trường Mỹ.

Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nông nghiệp khá phát triển. Tỉnh Bình Phước đang đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng khu vực biên giới với Campuchia, thực hiện xã hội hóa, tăng cường xúc tiến kêu gọi đầu tư trong xây dựng cơ sở hạ tầng tại cửa khẩu Hoa Lư; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư các loại hình dịch vụ tại cửa khẩu này, tập trung vào kho bãi, dịch vụ logistics, tài chính. Chính sách coi trọng phát triển nông lâm ngư nghiệp của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương là nhân tố quyết định cho sự phát triển các ngành này.

Với những điều kiện thuận lợi nêu trên, Bình Phước có lợi thế to lớn để phát triển ngành nông, lâm, thủy sản đa dạng, các sản phẩm có giá trị kinh tế cao cũng như đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu nông, lâm, thủy sản theo ngành và thay đổi bộ mặt nông thôn.

2.2.1.2. Khó khăn

Chuyển dịch cơ cấu nông, lâm, thủy sản của tỉnh diễn ra còn chậm, chưa mạnh mẽ. Kết cấu kinh tế nông thôn chủ yếu là thuần nông, các hoạt động dịch vụ nông, lâm, thủy sản,... vẫn chưa phát triển, chưa đủ sức hút tạo việc làm để thúc đẩy chuyển dịch lao động.

Trình độ sản xuất của nông dân còn thấp, lao động thủ công là chủ yếu, việc ứng dụng kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, do đó còn phụ thuộc nhiều vào tự nhiên, năng suất lao động thấp, yếu tố rủi ro cao, dịch bệnh trong trồng trọt và chăn nuôi ảnh hưởng không nhỏ đến tăng trưởng ngành nông, lâm, thủy sản và thu nhập của người nông dân.

Nền kinh tế có điểm xuất phát thấp, công nghiệp - dịch vụ còn nhỏ bé nên khả năng hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp còn hạn chế. Mạng lưới các cơ sở chế biến các sản phẩm nông nghiệp phát triển chưa mạnh, chủ yếu là các điểm công nghiệp, các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu ở dạng thô, sơ chế là chủ yếu, vì vậy lợi nhuận chưa cao. Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm, thủy sản, nhất là vùng miền núi (đặc biệt là giao thông, thủy lợi, thông tin liên lạc).

2.2.2. Những biến đổi trong cơ cấu nông, lâm, thủy sản theo ngành

Trong những năm gần đây, mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng bất lợi của khí hậu như khô hạn kéo dài, sương muối hay dịch bệnh... nhưng ngành nông, lâm, thủy sản của tỉnh Bình Phước có sự chuyển dịch theo xu hướng nền nông nghiệp hàng hóa. Trong cơ cấu sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, nông nghiệp luôn chiếm tỉ trọng cao và có xu hướng ngày càng tăng, ngư nghiệp chiếm tỉ trọng thấp và tỉ trọng của lâm nghiệp ngày càng giảm theo yêu cầu trong mục tiêu phát triển.

Bảng 1. Giá trị sản xuất và cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản tỉnh Bình Phước giai đoạn 2010 - 2020

Năm	2010		2015		2020	
	tỉ đồng	%	tỉ đồng	%	tỉ đồng	%
Tổng số	16.934,1	100	24.061,3	100	31.570,2	100.0
Nông nghiệp	16.659,6	98,4	23.695,3	98,5	31.128,2	98,6
Lâm nghiệp	50,65	0,3	102,3	0,4	110,5	0,35
Thủy sản	223,85	1,3	263,7	1,1	331,5	1,05

Nguồn: Tính toán từ [10]

Trong cơ cấu GTSX nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2010 - 2020, ngành nông nghiệp luôn có tỉ trọng cao (trên 98%) do có vai trò quan trọng trong cung cấp các nông sản xuất khẩu trên địa bàn tỉnh (thực tế hiện nay, Bình Phước đang là một trong những tỉnh dẫn đầu về sản xuất và xuất khẩu cao su, điều, tiêu của cả nước), là cơ sở vững chắc thúc đẩy sự phát triển kinh tế, giải quyết việc làm cho một bộ phận lao động, đẩy mạnh sự phát triển của xã hội nên hiện nay tỉ trọng vẫn có xu hướng tăng từ 98,4% năm 2010 lên còn 98,6% năm 2020. Ngành thủy sản do không có thế mạnh và chưa đầu tư đúng mức nên có xu hướng giảm từ 1,3% năm 2010 xuống còn 1,05% năm 2020. Ngành lâm nghiệp chiếm tỉ trọng thấp nhất và có xu hướng giảm trong cơ cấu từ 0,4% năm 2015 xuống còn 0,35% năm 2020.

2.2.2.1. Trong nông nghiệp

GTSX nông nghiệp (theo giá hiện hành) của tỉnh Bình Phước tăng liên tục trong giai đoạn từ năm 2010 - 2020, từ 16.659,6 tỉ đồng lên 31.128,2 tỉ đồng, với tốc độ tăng trưởng trung bình năm 8,7%/năm.

Bảng 2. Giá trị sản xuất và cơ cấu giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp (theo giá hiện hành)

Năm	2010		2015		2020	
	tỉ đồng	%	tỉ đồng	%	tỉ đồng	%
Tổng số	16.659,6	100	23.659,3	100	31.128,2	100.0
Trồng trọt	15.172,0	91,07	20.278,1	85,58	25.341,4	81,4
Chăn nuôi	1.472,2	8,84	3.331,6	14,06	5.640,5	18,1
Dịch vụ nông nghiệp	15,4	81,4	85,7	18,1	146,3	0,5

Nguồn: Tính toán từ [10] và [11]

Trong cơ cấu GTSX nông nghiệp của tỉnh, trồng trọt giữ vai trò quan trọng nhất (khoảng trên 80%) nhưng tỉ trọng đang có xu hướng giảm dần. Chăn nuôi chiếm tỉ trọng nhỏ (dưới 20%) nhưng đang có xu hướng tăng lên, phù hợp với chính sách đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính để phục vụ nhu cầu thực phẩm của người dân với chất lượng cuộc sống đang ngày càng nâng cao. Tỉ trọng dịch vụ trong nông nghiệp nhỏ, có sự thay đổi nhưng không đáng kể.

a. Trồng trọt

Đây là ngành luôn chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp của tỉnh Bình Phước. Diện tích các loại cây trồng năm 2020 là 457.453 ha, trong đó trồng cây hàng năm chiếm 6,05%, cây lâu năm chiếm 93,95%. Với ưu thế về đất đai và khí hậu, Bình Phước có điều kiện phát triển đa dạng các loại cây trồng với cơ cấu bao gồm: cây lương thực, cây

thực phẩm, cây công nghiệp, cây ăn quả và các loại cây khác, trong đó đặc biệt là phát triển cây công nghiệp.

Bảng 3. Diện tích, sản lượng, năng suất một số cây trồng chính của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2010 - 2020

Sản phẩm	Chỉ tiêu	2010	2015	2020
Lúa	Diện tích (ha)	14.645	12.855	11.272
	Sản lượng (tấn)	46.044	42.359	41.636
	Năng suất (tạ/ha)	31,44	32,98	36,92
Ngô	Diện tích (ha)	6.695	4.922	3.198
	Sản lượng (tấn)	20.957	18.691	12.358
	Năng suất (tạ/ha)	31,30	37,97	38,64
Sắn	Diện tích (ha)	20.395	17.745	5,92
	Sản lượng (tấn)	464.213	413.756	144.473
	Năng suất (tạ/ha)	227,61	233,17	244,04
Mía	Diện tích (ha)	502,0	284,0	191,0
	Sản lượng (tấn)	19.460	9.218	5.448
	Năng suất (tạ/ha)	387,65	324,58	285,2
Tiêu	Diện tích (ha)	9.181	9.545	14.675
	Sản lượng (tấn)	26.155	26.941	28.217
	Năng suất (tạ/ha)	28,49	28,23	19,23
Cao su	Diện tích (ha)	98.262	157.813	206.389
	Sản lượng (tấn)	191.837	289.601	379.617
	Năng suất (tạ/ha)	19,5	18,35	18,4
Đào	Diện tích (ha)	144.413	131.521	135.893
	Sản lượng (tấn)	139.982	198.851	189.015
	Năng suất (tạ/ha)	9,69	15,12	13,9

Nguồn: Tính toán từ [11]

Trong cơ cấu cây lương thực có hạt của tỉnh, lúa là cây trồng chủ đạo. Mặc dù có giá trị thương phẩm không cao nhưng để đáp ứng nhu cầu tại chỗ của người dân, đảm bảo an ninh lương thực và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm. Do năng suất tăng nhanh nên mặc dù diện tích trồng lúa giảm nhưng sản lượng lúa lại tăng. Trong giai đoạn 2010 - 2020, diện tích trồng lúa luôn đạt ngưỡng trên 10,0 nghìn ha và giảm liên tục, từ 14.645 ha năm 2010 xuống còn 11.272 ha năm 2020. Nhằm đảm bảo an ninh lương thực, tỉnh đã có nhiều chính sách đảm bảo cho sản xuất lúa, chủ động nước tưới cho các vùng trồng lúa; sử dụng giống lúa mới, đẩy mạnh thâm canh, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên năng suất lúa cũng tăng từ 31,44 tạ/ha (năm 2010) lên 36,92 tạ/ha (năm 2020).

Ngô là cây trồng quan trọng thứ hai sau cây lúa. Ngô được trồng xen với các cây công nghiệp chưa cho thu hoạch như cao su, hồ tiêu... Ngô là nguyên liệu quan trọng cho công nghiệp chế biến thức ăn gia súc, công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm, là nguồn thức ăn

cho chăn nuôi. Do tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và do thu nhập từ cây ngô không cao nên diện tích và sản lượng ngô đang giảm liên tục.

Bình Phước là một trong những tỉnh dẫn đầu cả nước, dẫn đầu các tỉnh vùng Đông Nam Bộ về diện tích cây công nghiệp, trong đó đặc biệt là cây công nghiệp lâu năm (cao su, điều, tiêu, cà phê...). Cây công nghiệp hàng năm chủ yếu của tỉnh là mía, lạc, đậu nành, bông...

Cây công nghiệp hàng năm ít được tỉnh chú trọng phát triển nên diện tích liên tục giảm. Sự suy giảm diện tích cây công nghiệp hàng năm một phần do hiệu quả kinh tế thấp, một phần do diện tích xen canh trong các vườn cây lâu năm giảm. Các loại cây công nghiệp hàng năm chủ yếu là lạc, mía, đậu nành.

Trồng cây công nghiệp lâu năm là thế mạnh nổi bật của tỉnh, được trồng ở hầu hết các huyện, thị nên hiện đang có xu hướng mở rộng về diện tích do các loại cây này có hiệu quả kinh tế tương đối cao, là những sản phẩm nằm trong danh mục các mặt hàng xuất khẩu chính, đồng thời còn làm tăng độ che phủ, có tác dụng bảo vệ đất và môi trường sinh thái. Các loại cây công nghiệp lâu năm tiêu biểu của tỉnh là cao su, điều, hồ tiêu, cà phê. Trong đó, cây cao su là cây được trồng nhiều nhất.

Ngoài các loại cây trồng chính nêu trên, Bình Phước còn trồng các loại rau đậu và các cây ăn quả như cam, chanh, nhãn, xoài...

Hiện nay, nhiều tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới có hiệu quả được nhân rộng, hướng tới nền nông nghiệp sạch, hữu cơ, công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Điển hình như quy trình sản xuất an toàn theo hướng VietGAP trong sản xuất dưa lưới và rau càng cua tại xã Thanh Phú, nhãn tiêu da bò, bưởi da xanh tại xã Thanh Lương - Bình Long; một số mô hình ứng dụng công nghệ cao như khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hải Vương ở huyện Hớn Quản, *Hợp tác xã sản xuất - thương mại - dịch vụ nông nghiệp Nguyên Khang Garden, thành phố Đồng Xoài*; sử dụng hệ thống tưới nhỏ giọt công nghệ Israel có kết hợp bộ châm phân bón tự động cho trồng hồ tiêu ở xã Thuận Phú - Đồng Phú...

Như vậy, ngành trồng trọt của Bình Phước đã dựa vào đặc thù về điều kiện tự nhiên, lao động, từ đó xác định được cơ cấu cây trồng phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương cũng như phục vụ xuất khẩu.

b. Chăn nuôi

Bình Phước có đặc điểm tự nhiên khá thuận lợi để phát triển chăn nuôi nhiều loại gia súc, gia cầm. Địa hình của tỉnh rất thích hợp cho việc phát triển các trang trại chăn nuôi bò, lợn và gia cầm, với các mô hình kết hợp như rừng cây lâm nghiệp - chăn nuôi bò đàn, vườn cây ăn quả - chăn nuôi gà, vườn cây công nghiệp lâu năm - chăn nuôi dê. Các huyện miền núi của tỉnh còn phát triển chăn nuôi các loại vật nuôi đặc sản có giá trị cao như lợn thả rông, nai, nhím. Bên cạnh đó là sự phát triển mạnh mẽ của các dịch vụ nông nghiệp, cung cấp giống, thức ăn,... sự tăng nhanh của nhu cầu thị trường trong và ngoài tỉnh đã thúc đẩy ngành chăn nuôi phát triển.

Bảng 4. Số lượng một số gia súc và gia cầm chủ yếu giai đoạn 2010 - 2020

	2010	2015	2020
Đàn trâu	19,0	13,1	12,3
Đàn bò	64,0	28,0	38,64
Đàn lợn	200,8	284,6	848,36
Đàn gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng)	2.631,0	4.380,0	7.357,0

Đơn vị tính: Nghìn con; Nguồn: Tính toán từ [11]

Tuy có điều kiện thuận lợi nhưng trong giai đoạn 2010 - 2020, số lượng đàn trâu, đàn bò có xu hướng giảm, đàn trâu giảm từ 19 nghìn con xuống còn 12,3 nghìn con, đàn bò giảm từ 64,0

nghìn con xuống 38,64 nghìn con do dịch bệnh, diện tích đồng cỏ bị thu hẹp, do thiếu vốn và các dự án đầu tư phát triển chăn nuôi của tỉnh còn hạn chế; đàn lợn tăng nhanh từ 200,8 nghìn con lên 848,36 nghìn con. Số lượng đàn gia cầm của tỉnh ngày càng tăng, từ 2.631,0 nghìn con năm 2010 tăng lên 7.357,0 nghìn con năm 2020.

Chăn nuôi gia cầm ở Bình Phước khá đa dạng, các vật nuôi chính gồm gà, vịt, ngan, ngỗng,... ngoài ra ở một số địa phương còn nuôi đặc sản như nuôi đà điểu, nuôi yến, nuôi ong... Hình thức chăn nuôi gia cầm chủ yếu là công nghiệp và bán công nghiệp, trang trại chăn nuôi được hình thành ngày một nhiều. Các trang trại đã được đầu tư áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, vì vậy, hiệu quả kinh tế ngày một cao hơn. Một số hình thức chăn nuôi kết hợp đem lại hiệu quả kinh tế cao như chăn nuôi gia cầm kết hợp với làm vườn (gà thả vườn,...)

2.2.2.2. Trong lâm nghiệp

Bình Phước là tỉnh có thế mạnh về rừng. Ngành lâm nghiệp không chỉ tạo ra giá trị sản xuất kinh tế thông qua hoạt động khai thác, chế biến lâm sản mà còn giải quyết việc làm, góp phần trong việc duy trì nguồn gen quý, bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế lũ đầu nguồn, cân bằng nước, giữ ẩm, phục vụ cho nghiên cứu khoa học,...

Tuy nhiên, tỉ trọng đóng góp của ngành lâm nghiệp chiếm tỉ lệ rất thấp trong nền kinh tế, tốc độ tăng trưởng chậm. Giá trị sản xuất của ngành có tăng nhưng không nhiều.

Bảng 5. Giá trị sản xuất lâm nghiệp theo giá hiện hành phân theo ngành hoạt động giai đoạn 2010 - 2020

Năm	Tổng số	Chia ra			
		Trồng và chăm sóc rừng	Khai thác gỗ và lâm sản khác	Dịch vụ lâm nghiệp	Các loại khác
2010	50,635	6,004	38,540	4,050	2,041
2015	102,275	16,093	73,756	6,709	5,717
2020	110,499	20,508	77,041	6,221	6,729

Đơn vị tính: Tỷ đồng; Nguồn: Tính toán từ [11]

Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp, hoạt động khai thác gỗ và lâm sản chiếm tỉ trọng lớn nhất nhưng đang có xu hướng giảm (từ 76,1% năm 2010 xuống còn 69,7% năm 2020). Hoạt động trồng và chăm sóc rừng có xu hướng tăng (từ 11,9% năm 2010 tăng lên 18,6% năm 2020). Hoạt động lâm nghiệp đã chuyển từ quốc doanh sang phát triển lâm nghiệp xã hội với nhiều thành phần kinh tế tham gia. Lâm nghiệp đã có chuyển biến mạnh theo hướng chủ yếu từ khai thác là chính sang bảo vệ rừng tự nhiên, tăng cường giao khoán bảo vệ rừng, thực hiện chủ trương rừng có chủ nên rừng tự nhiên được khôi phục nhanh. Đẩy mạnh trồng rừng kinh tế trên cơ sở đẩy mạnh giao đất sang cho thuê đất rừng, liên doanh trồng rừng, khoán khoán nuôi bảo vệ rừng.

Chương trình “Giải quyết vấn đề di dân tự do, ổn định dân cư gắn với bảo vệ rừng, phát triển kinh tế rừng và chăn nuôi đại gia súc” là một trong 5 chương trình đột phá của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2005 - 2010 đã góp phần giải quyết nhu cầu nhà ở, đất ở, đất sản xuất, vốn sản xuất cho các hộ dân. Nhờ đó, đời sống của dân cư các vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được nâng lên, tình hình phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được hạn chế, diện tích rừng trồng ngày càng tăng.

2.2.2.3. Thủy sản

Bình Phước là tỉnh miền núi, nuôi trồng thủy sản không phải là ngành thế mạnh trong chiến

lược phát triển kinh tế của tỉnh, nhưng nhờ khai thác tốt diện tích bưng bàu, diện tích trồng lúa một vụ kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản, đồng thời khai thác tối đa diện tích các hồ chứa nước: hồ Thác Mơ, hồ Cần Đơn, hồ Suối Cam, hồ Suối Giai, hồ Ông, hồ Cầu Trắng,... và phát triển mô hình kinh tế vườn nhà (V-A-C) nên thủy sản có bước phát triển, góp phần quan trọng vào việc giải quyết nhu cầu thực phẩm trong cộng đồng dân cư.

Việc xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, các hồ chứa nước cũng góp phần tăng diện tích đất mặt nước nuôi trồng thủy sản.

Bảng 6. Giá trị sản xuất thủy sản theo giá hiện hành phân theo ngành hoạt động giai đoạn 2010 - 2020

Năm	Giá trị sản xuất (Tỷ đồng)			Cơ cấu giá trị sản xuất (%)		
	Tổng số	Khai thác	Nuôi trồng	Tổng số	Khai thác	Nuôi trồng
2010	223,850	14,008	209,842	100	6,26	93,74
2015	263,666	30,171	233,495	100	11,44	88,56
2020	331,5	27,52	303,98	100	8,3	91,7

Nguồn: Tính toán từ [11]

Trong nuôi trồng thủy sản, nhiều loại thủy sản có giá trị kinh tế cao như cá lăng nha, sặc rằn,... đã được nghiên cứu thử nghiệm nuôi trồng thành công với môi trường nước của tỉnh và bước đầu ứng dụng sản xuất rộng rãi. Tuy nhiên, nuôi trồng thủy sản chủ yếu mới ở phương thức quảng canh và quảng canh cải tiến. Sản phẩm thủy sản chủ yếu cung cấp thị trường trong tỉnh.

2.2.3. Những vấn đề đặt ra

Mặc dù cơ cấu nông, lâm, thủy sản theo ngành của tỉnh Bình Phước đang có sự chuyển dịch theo hướng tích cực nhưng để đem lại hiệu quả cao và đẩy nhanh hơn nữa tốc độ chuyển dịch đòi hỏi tỉnh Bình Phước phải giải quyết nhiều vấn đề. Cụ thể:

Cơ cấu nông, lâm, thủy sản theo ngành còn mất cân đối, nông nghiệp chiếm tỉ trọng quá lớn (trên 95%). Mặc dù Bình Phước là một tỉnh miền núi nhưng lâm nghiệp chiếm tỉ trọng rất nhỏ bé (0,35% năm 2020). Trong nông nghiệp, chăn nuôi vẫn chiếm tỉ trọng thấp; trồng trọt chiếm ưu thế vượt trội.

Trong ngành trồng trọt, tỉ lệ ứng dụng công nghệ cao còn ở mức thấp, mới ứng dụng từng phần, chưa hoàn chỉnh chuỗi giá trị sản phẩm đối với từng loại cây trồng. Số lượng các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất trồng trọt còn rất hạn chế; cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất; chính sách đặc thù cho một số cây trồng chủ lực chưa có; chưa thu hút được các nhà đầu tư về lĩnh vực nông nghiệp.

Trong chăn nuôi, quy hoạch vùng chăn nuôi chưa cụ thể; đầu tư sản xuất chăn nuôi chưa đồng bộ. Trong tỉnh chưa có nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm; chưa có lò giết mổ gia súc, gia cầm có quy mô công nghiệp; việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi chủ yếu của các công ty, tập đoàn chăn nuôi nước ngoài; sự liên kết hình thành sản xuất chăn nuôi theo chuỗi còn ít, chưa bền vững.

Ngành lâm nghiệp còn thiên về hoạt động khai thác gỗ và lâm sản, chưa chú trọng nhiều đến công tác trồng và khoanh nuôi rừng. Chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành thủy sản diễn ra còn chậm. Nuôi trồng thủy sản có xu hướng tăng nhưng chậm, chủ yếu tự phát theo hộ gia đình, quy mô nhỏ lẻ. Các loại hình dịch vụ thủy sản có xu hướng tăng.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu nông - lâm - thủy sản theo ngành còn phụ thuộc nhiều vào thời tiết, dịch bệnh và giá cả thị trường không ổn định...

2.2.4. Một số giải pháp thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu nông, lâm, thủy sản theo ngành ở tỉnh Bình Phước theo hướng bền vững

Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh Bình Phước lần XI, nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định phát triển nông, lâm, thủy sản với 03 nhiệm vụ trọng tâm: tạo vùng nguyên liệu, chế biến, hình thành liên kết chuỗi giá trị; 03 ngành trọng điểm: chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp; 03 sản phẩm xuất khẩu chủ yếu: chăn nuôi (lợn, gà), hạt điều, sản phẩm từ gỗ; 03 giải pháp hỗ trợ khởi điểm: quy hoạch lại vùng sản xuất nguyên liệu, chính sách thu hút hỗ trợ, nông nghiệp công nghệ cao.

Tên cơ sở những chủ trương đó, để cơ cấu nông, lâm, thủy sản theo ngành ở tỉnh Bình Phước chuyển dịch theo hướng bền vững cần thực hiện một số giải pháp sau:

- *Về quy hoạch:* Quy hoạch điều chỉnh lại vùng trồng cây chuyên canh, trong đó trọng tâm là cây cao su, cây điều, cây ăn quả, cây lấy gỗ trên cơ sở điều kiện thổ nhưỡng, nhu cầu nguyên liệu của các cơ sở chế biến để xác định quy mô cho từng loại cây trồng (vùng chuyên canh cao su xen điều khoảng 5000 ha trên địa bàn các huyện Bù Đăng, Bù Gia Mập, Phước Long, Phú Riềng; vùng chuyên canh điều hữu cơ khoảng 2000 ha trên địa bàn huyện Đồng Phú; vùng chuyên canh cao su ở huyện Phú Riềng, Đồng Phú; vùng chuyên canh hồ tiêu ở huyện Lộc Ninh...). Quy hoạch vùng chăn nuôi hướng đến an toàn dịch bệnh, chăn nuôi công nghiệp (hình thành 02 vùng chăn nuôi lợn tại huyện Lộc Ninh, huyện Hớn Quản; 02 vùng chăn nuôi gà ở huyện Đồng Phú và xã Thanh Lương, Thanh Phú thị xã Bình Long) để sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

- *Về nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ*

Ứng dụng công nghệ cao vào nông nghiệp là yếu tố quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng nông sản, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của con người, bảo đảm chuyển dịch nông nghiệp bền vững. Cần tiếp tục hoàn thiện về tổ chức, chuyển giao công nghệ sản xuất cho từng loại cây trồng, vật nuôi. Tiến hành xây dựng và phổ biến các mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ để có thể đưa vào phục vụ sản xuất. Tổ chức và hoàn thiện các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ đã có và hiện đang triển khai trên thực tế. Tổ chức tiếp nhận việc chuyển giao một số công nghệ cao từ nước ngoài (nếu phù hợp).

- *Về phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu:*

Hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân xúc tiến thị trường bằng nhiều hình thức như tham gia hội nghị, hội thảo, hội chợ ở nước ngoài; bước đầu hỗ trợ các doanh nghiệp, nông dân xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp. Liên kết tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao thành vùng chuyên canh gắn với việc hình thành các vùng nông nghiệp công nghệ cao đảm bảo số lượng sản phẩm đủ lớn để tìm kiếm cơ hội kết nối thương mại, đưa sản phẩm lên sàn giao dịch. Phát triển hệ thống tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi đối với thị trường trong nước theo hướng hình thành các chuỗi liên kết từ sản xuất, chế biến, lưu thông, tiêu thụ sản phẩm thông qua hoạt động của các doanh nghiệp, hiệp hội; tăng cường quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu; khai thác các thị trường tiềm năng để xuất khẩu. Xây dựng chợ đầu mối nông sản; xây dựng mối liên kết giữa các hợp tác xã với các siêu thị và hệ thống bán lẻ để tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và tăng cường phổ biến thông tin tuyên truyền để người dân tiếp cận được công nghệ cao, kết quả ứng dụng công nghệ cao, các mô hình phát triển công nghệ cao và các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- *Đối với lâm nghiệp:*

Quản lý chặt chẽ diện tích rừng hiện có, nâng cao hiệu quả kinh tế rừng (tận thu sản phẩm phụ; khai thác và nâng cao chất lượng các tour du lịch sinh thái Vườn quốc gia Bù Gia Mập...); thực hiện cơ chế cho thuê rừng; xem xét lại hiệu quả chính sách khoán rừng trước đây để có giải pháp nâng cao hiệu quả, cung cấp gỗ, củi cho các cơ sở chế biến gỗ. Quản lý và thực hiện việc trồng rừng trên các diện tích bán ngập tại các lòng hồ; trồng cây trên các tuyến đường giao

thông. Bảo tồn nguồn gen các loại cây và động vật quý hiếm. Quản lí chặt chẽ và xử lí nghiêm các hành vi phá rừng. Thực hiện chủ trương giao đất, giao rừng cho nông dân chăm sóc, đào tạo nguồn nhân lực lâm nghiệp các cấp, sớm đưa giáo dục môi trường rừng vào các chương trình giảng dạy trong các trường học trên địa bàn tỉnh.

- Đối với thủy sản:

Điều tra, khảo sát để bố trí cơ sở hạ tầng cho vùng phát triển thủy sản, xây dựng các trại giống, nhà máy chế biến thức ăn để giải quyết nguồn cung giống và thức ăn cho ngành thủy sản. Đào tạo nguồn nhân lực cho ngành thủy sản để tổ chức công tác khuyến ngư; từng bước đưa khoa học kĩ thuật vào sản xuất và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phòng ngừa dịch bệnh và bảo vệ môi trường nuôi trồng.

3. Kết luận

Như vậy, cơ cấu nông, lâm, thủy sản theo ngành tỉnh Bình Phước đang chuyển dịch theo hướng tích cực, phù hợp với xu thế chung và bước đầu phát huy thế mạnh của tỉnh. Quá trình này ảnh hưởng đến đầu tư, phân công lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, thể hiện qua sự trao đổi vai trò, vị trí của các thành phần kinh tế và các tiểu vùng nông nghiệp trên phạm vi của tỉnh. Trong những năm tới, với những định hướng và giải pháp cụ thể, tỉnh Bình Phước sẽ phát huy tối đa lợi thế, khắc phục những khó khăn nhằm thúc đẩy hơn nữa quá trình chuyển dịch cơ cấu nông, lâm, thủy sản nói riêng và cơ cấu kinh tế tỉnh Bình Phước nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Raymond W. Goldsmith, 1959. *The comparative study of Economics Growth and structure*. NBER. 25, 68 - 75.
- [2] Scott W. Richard, 1997. The unfinished: Indian Agricultural under the structural reform. *A Review of Frontier Function Literature* 1993, 22(1), 88–101.
- [3] Du Ying, 2010. China's Agricultural Restructuring and system Reform under It's Accession to the WTO. *Sustainable Agriculture Reviews* 9. E. Lichtfouse Ed., Springer Science Business Media B.V. 2010, pp. 9.
- [4] Lê Du Phong, Nguyễn Thành Độ, 1999. *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong điều kiện hội nhập với nền kinh tế thế giới*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, tr.281
- [5] Trương Thị Minh Sâm, 2001. *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp vùng nông thôn ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh*. Nxb Khoa học Xã hội, tr.170.
- [6] Lê Quốc Sử, 2001. *Chuyển dịch cơ cấu và xu hướng phát triển của kinh tế nông nghiệp Việt Nam theo hướng Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá từ thế kỉ XX tới Thế kỉ XXI trong thời đại kinh tế tri thức*. Nxb Thống kê, tr.382.
- [7] Phạm Quý Thọ, 2006. *Chuyển dịch cơ cấu lao động trong xu hướng hội nhập quốc tế*. Nxb Lao động xã hội, tr.85
- [8] Ngô Doãn Vịnh, 2010. *Bàn về phát triển kinh tế*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
- [9] UBND tỉnh Bình Phước, 2010. Quy hoạch phát triển ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 -2020, tầm nhìn đến 2025. Bình Phước.
- [10] Cục Thống kê tỉnh Bình Phước, 2017. *Thực trạng nông thôn, nông nghiệp và thủy sản tỉnh Bình Phước qua hai kì tổng điều tra năm 2011-2016*. Bình Phước.
- [11] Cục Thống kê tỉnh Bình Phước, 2011, 2016, 2020. Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [12] Sở Nông nghiệp tỉnh Bình Phước, 2021. Báo cáo tổng kết nông nghiệp tỉnh Bình Phước năm 2020.

ABSTRACT

Restructuring agriculture, forestry, and fishery based on a sectoral approach for Binh Phuoc province in the period 2010 – 2020

Le Thi Hau¹, Le Hoang Thuy Anh¹ and Hoang Phan Hai Yen^{2*}

¹*Binh Long High School, Binh Phuoc Province*

²*Geography Department, College of Education, Vinh University*

The economic structure is the basic factor that supports determining the existence and development of a country as well as a territory. A reasonable economic structure will help to open up as well as create motivation for the effective exploitation of domestic and foreign resources. By using methods of synthesis analysis, field survey combined with consultation with experts. This study analyzes and clarifies the current status of economic restructuring based on the sectoral approach in agriculture, forestry, and fishery in Binh Phuoc province. Research results are an important basis for investment managers and agricultural production organizations to enhance the highest economic efficiency.

Keywords: economic structure, economic structure of agriculture, forestry and fisheries, restructuring the economy and agriculture sector in Binh Phuoc province.